

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 26 tháng 03 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				52,597
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	265	9,805,000
	Được chi trong ngày				9,857,597
	Đã chi trong ngày				9,666,605
	1. Dịch vụ				265,000
1	Gas sáng		0	265	0
2	Gas trưa		1,000	265	265,000
	2. Kho				235,000
	Ấn chính				235,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	1	235,000
	3. Đi chợ				9,166,605
	Ấn chính				9,166,605
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	4	109,200
2	Khoai lang	Kg	31,500	7	220,500
3	Khoai môn	Kg	52,500	4	210,000
4	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
5	Hành tây	Kg	36,750	2	73,500
6	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
7	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
8	Cái bó xôi	Kg	75,600	1	75,600
9	Thịt bò lưng, nạc	Kg	336,000	3	1,008,000
10	Đường kính	Kg	38,850	3	116,550
11	Bánh flan Ánh Hồng	Hộp	7,040	265	1,865,600
12	Tôm sú	Kg	378,000	9	3,402,000
13	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
14	Nấm bào ngư	Kg	68,250	1	68,250
15	Sá xay	Kg	21,000	0.2	4,200
16	Phô mai Con bò cười	Hộp	52,920	1	52,920
17	Nước cốt dừa	Hộp	43,200	5	216,000
18	Gia vị cà ri	Gói	7,560	5	37,800
19	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	3	200,880
20	Bánh mì	Cây	36,000	35	1,260,000
21	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
22	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				8,216,500
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				158,688,508
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			4,656	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				172,272,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				172,081,008
	Chênh lệch cuối ngày				190,992

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy